

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 23 /2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét Tờ trình số 6396/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Lệ phí hộ tịch được áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng nộp lệ phí

Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Trường hợp miễn nộp lệ phí

Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

4. Mức thu lệ phí và cơ quan thu

a) Mức thu

- Mức thu lệ phí tại UBND phường, xã theo Phụ lục I đính kèm.

- Mức thu lệ phí tại UBND quận, huyện theo Phụ lục II đính kèm.

- Mức thu lệ phí tại Sở Tư pháp về cấp bản sao trích lục hộ tịch là: 5.000 đồng/01 bản sao.

b) Cơ quan thu

- UBND quận, huyện;

- UBND phường, xã;

- Sở Tư pháp.

5. Thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thu được

a) Từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Thu, nộp lệ phí: Thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế.

- Mức nộp ngân sách và trích để lại từ tiền lệ phí thu được:

+ Ủy ban nhân dân phường, xã được trích để lại 70% (Bảy mươi phần trăm) số tiền lệ phí thu được, 30% (Ba mươi phần trăm) còn lại nộp ngân sách phường, xã. Riêng các xã miền núi được để lại 100% số tiền lệ phí thu được.

+ Ủy ban nhân dân quận, huyện được trích để lại 70% số tiền lệ phí thu được, 30 % còn lại nộp vào ngân sách quận, huyện.

+ Sở Tư pháp được để lại 100% số tiền lệ phí thu được.

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 trở về sau: Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Bãi bỏ quy định về lệ phí hộ tịch tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 90/2009/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định và điều chỉnh một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khoá IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2016./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Anh

Phụ lục I**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND PHƯỜNG, XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số 23 /2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của HĐND thành phố về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)

(ĐVT: đồng)

STT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh	
	Đăng ký khai sinh	Miễn thu
	Đăng ký khai sinh quá hạn (Áp dụng đối với trường hợp thực hiện đăng ký khai sinh sau 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra)	5.000
	Đăng ký lại khai sinh	8.000
2	Kết hôn	
	Đăng ký kết hôn	Miễn thu
	Đăng ký lại kết hôn	30.000
3	Khai tử	
	Đăng ký khai tử	Miễn thu
	Đăng ký khai tử quá hạn (Áp dụng đối với trường hợp thực hiện đăng ký khai tử sau 15 ngày kể từ ngày có người chết)	5.000
	Đăng ký lại khai tử	5.000
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	15.000
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	3.000/1 bản sao
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	5.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	5.000
10	Giám hộ, Đăng ký giám hộ, Chấm dứt, thay đổi giám hộ	Miễn thu

Phụ lục II
BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND QUẬN, HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết 23 /2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của HĐND thành phố về việc Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)

(ĐVT: đồng)

TT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh	
	Đăng ký khai sinh	Miễn thu
	Đăng ký lại việc sinh	75.000
2	Khai tử	
	Đăng ký khai tử	Miễn thu
	Đăng ký lại khai tử	50.000
3	Kết hôn	
	Đăng ký kết hôn	1.500.000
	Đăng ký lại kết hôn	1.500.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	5.000/1 bản sao
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	25.000
7	Giám hộ	
	Đăng ký giám hộ	50.000
	Chấm dứt, thay đổi giám hộ	50.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	50.000